

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2004/TT-BTC ngày 17/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
KCN BIÊN HÒA I - ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(QUÝ 3 - 2009)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã Số	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1,164,271,085,307	1,438,185,623,021
1	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	666,476,933,005	858,071,981,268
2	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	19,988,502,152	5,238,502,152
3	CÁC KHOẢN PHẢI THU	130	165,532,489,223	344,504,092,181
4	HÀNG TỒN KHO	140	300,666,897,061	226,436,925,402
5	TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150	11,606,263,866	3,934,122,018
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1,114,874,562,934	1,172,741,297,103
1	CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN			
2	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	210	188,729,517,465	181,118,195,750

	- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	212	347,210,250,391	347,367,169,248
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	213	(233,964,647,872)	(246,462,687,550)
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	218	14,416,740,178	14,416,740,178
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	219	(1,790,455,321)	(2,212,388,794)
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		62,857,630,089	68,009,362,668
3	BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ		10,020,276,000	10,098,457,819
	- Nguyên giá		11,133,640,000	11,211,821,819
	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,113,364,000)	(1,113,364,000)
4	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	220	803,140,862,332	867,746,607,332
5	TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	241	112,983,907,137	113,778,036,202
III	TỔNG TÀI SẢN	250	2,279,145,648,241	2,610,926,920,124
IV	NỢ PHẢI TRẢ	300	70,476,975,213	163,816,627,280
1	NỢ NGẮN HẠN	310	70,120,198,697	163,728,862,757
2	NỢ DÀI HẠN	320	356,776,516	87,764,523
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2,208,668,673,028	2,447,110,292,844
1	VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	2,208,282,494,233	2,446,242,922,258
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	654,000,000,000	654,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	418	1,563,030,722,378	1,564,815,620,534
	- Cổ phiếu quỹ	412	(57,562,018,435)	(51,805,816,591)
	- Các quỹ	413	124,711,858,833	124,701,858,833
	- Lợi nhuận chưa phân phối	416	(75,898,068,543)	154,531,259,482
2	NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC	420	386,178,795	867,370,586
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	430	2,279,145,648,241	2,610,926,920,124

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(QUÝ 3 - 2009)

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý III	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	116,858,211,864	259,198,985,701
2	Các khoản giảm trừ		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	116,858,211,864	259,198,985,701
4	Giá vốn hàng bán	103,981,643,276	252,476,838,438
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	12,876,568,588	6,722,147,263
6	Doanh thu hoạt động tài chính	30,592,874,244	71,940,683,443
7	Chi phí tài chính	-19,693,153,730	(186,827,796,609)
8	Chi phí bán hàng	3,731,818,353	8,953,688,914
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,142,912,228	12,562,157,337
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56,287,865,981	243,974,781,064
11	Thu nhập khác		1,161,828,808
12	Chi phí khác		474,821,666
13	Lợi nhuận khác	-	687,007,142
14	Lợi nhuận trước thuế	56,287,865,981	244,661,788,206
15	Thuế thu nhập phải nộp	1,963,319,544	12,893,026,658
16	Lợi nhuận sau thuế	54,324,546,437	231,768,761,548
17	Thu nhập trên mỗi cổ phần	854	3,653
18	Cổ tức trên mỗi cổ phần		

Ngày 22 Tháng 10 Năm 2009

Tổng giám đốc

